

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 47/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với những nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công bố danh mục dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian 30 ngày kể từ ngày danh mục dự án được đăng tải thành công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Hòa Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hoà Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VPUBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (NĐK).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chương

PHỤ LỤC
YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Tên dự án: Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án số: 42/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

A. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Khu nhà ở và dịch vụ cộng đồng tại xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Địa điểm: Xóm Trung Mường, xã Quang Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 481.521,67m².

4. Quy mô dự án:

a) Quy mô dân số và cơ cấu sử dụng đất của dự án

- Quy mô dân số khoảng 2.990 người.

- Diện tích sử dụng đất khoảng 481.521,67 m².

Cơ cấu sử dụng đất của dự án như sau:

TT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	204.663,0	42,5
1.1	Đất ở mới	201.678,2	41,9
<i>a</i>	<i>Đất nhà ở biệt thự</i>	<i>161.242,0</i>	<i>33,5</i>
<i>b</i>	<i>Đất nhà ở xã hội</i>	<i>40.436,2</i>	<i>8,4</i>
1.2	Đất dân cư hiện trạng	2.984,8	0,6
2	Đất công cộng	5.285,9	1,1
2.1	Đất công trình công cộng	1.944,4	0,4
2.2	Đất trường học	3.341,5	0,7
3	Đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ	14.256,5	3,0
4	Đất cây xanh, mặt nước	173.354,5	36
4.1	Đất cây xanh	145.334,7	30,2

4.2	Đất mặt nước	28.019,8	5,8
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	4.771,4	1,0
5.1	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	1.292,9	0,3
5.2	Đất bãi đỗ xe	3.478,5	0,7
6	Đất giao thông	79.190,4	16,4
	Tổng cộng	481.521,7	100

b) Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở

- Cơ cấu sản phẩm nhà ở thương mại: Đất ở biệt thự có tổng diện tích 161.242 m², bao gồm 503 căn biệt thự, mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao từ 1 - 2 tầng; thuộc phân khúc nhà ở trung, cao cấp.

- Cơ cấu sản phẩm nhà ở xã hội: Đất xây dựng nhà ở xã hội có tổng diện tích 40.436,2 m², bao gồm 03 lô đất (*ký hiệu NOXH-01, NOXH-02, NOXH-03*), tầng cao từ 1 - 3 tầng; mật độ xây dựng tối đa 40%.

c) Về nhà ở xã hội: Nhà đầu tư phải thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển nhà ở xã hội trên quỹ đất nhà ở xã hội là 40.436,2 m². Việc đầu tư các công trình nhà ở xã hội thực hiện theo quy định hiện hành.

d) Hình thức kinh doanh sản phẩm và quản lý hệ thống hạ tầng liên quan đến dự án

Nhà đầu tư thực hiện đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật gồm: Ứng kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng; san nền; hệ thống giao thông; cấp nước sinh hoạt, cấp nước phòng cháy chữa cháy; thoát nước mưa, nước thải; cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cây xanh đường phố; thông tin liên lạc, hệ thống hạ tầng xã hội (*nhà trẻ mẫu giáo, nhà văn hóa*) trên diện tích 14.025,86 m². Sau khi đầu tư xong, chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý, khai thác.

Nhà đầu tư phải thực hiện xây thô và hoàn thiện mặt ngoài 31 căn nhà nằm trên vị trí tiếp giáp với khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị, mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên, các lô đất còn lại được phép phân lô bán nền. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, nhà ở cho các khách hàng theo quy định hiện hành.

5. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2022 đến năm 2025.

6. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm (*kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền*).

7. Vốn đầu tư: 666.432.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi sáu tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu đồng*), trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự kiến: 57.000.000.000 đồng;

- Chi phí thực hiện dự án: 609.432.000.000 đồng.

Nguồn vốn: Nhà đầu tư có trách nhiệm bố trí và huy động đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đúng tiến độ. Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư dành cho dự án đảm bảo không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án.

B. CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các nội dung và tài liệu chứng minh, làm rõ tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư

- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp; hạch toán tài chính độc lập; thực hiện dự án độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (*đối với nhà đầu tư trong nước*); không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; hiện không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai trước thời điểm công bố danh mục dự án đầu tư (có văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền). Các tài liệu của nhà đầu tư phải được người đại diện hợp pháp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty ký.

- Nhà đầu tư phải cam kết:

+ Nếu trúng thầu (*đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư khi có 02 Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực*), trong thời gian 03 tháng (kể từ ngày công bố kết quả lựa chọn nhà đầu tư) sẽ nộp ngân sách nhà nước bằng tiền giá trị (M₃) và tối thiểu 1/3 giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (M₂), phần còn lại sẽ được nộp theo tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng, không tính lãi vay đối với chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thì nhà đầu tư phải thực hiện các điều kiện về lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong thời hạn 03 tháng (kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chấp thuận nhà đầu tư) nhà đầu tư phải chuyển tối thiểu 1/3 giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho cơ quan bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

+ Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của dự án có thời gian ngắn nhất.

2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

2.1. Yêu cầu sơ bộ về năng lực tài chính

Nhà đầu tư thực hiện dự án phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính như sau:

- Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: **99.964.800.000** đồng (*tối thiểu chiếm 15% tổng mức đầu tư*).

Trường hợp liên danh, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh; đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện; trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(Nhà đầu tư kê khai năng lực tài chính theo mẫu phụ lục 1)

2.2. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm

Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: 01 dự án loại 1 hoặc (*hoặc số lượng dự án đảm bảo tương đương đối với loại 2, loại 3*). Cách xác định dự án như sau:

- Loại 1: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu nghỉ dưỡng; khu nhà ở; khu nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (*05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu*) và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

+ Có tổng mức đầu tư tối thiểu là **466.502.400.000** đồng (*tối thiểu bằng 70% tổng mức đầu tư của dự án*).

+ Nhà đầu tư đã góp vốn chủ sở hữu với giá trị tối thiểu là **69.975.360.000** đồng (*tối thiểu bằng 70% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án*).

- Loại 2: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu nghỉ dưỡng; khu nhà ở; khu nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (*05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu*) và có giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu là **426.602.400.000** đồng (*70% giá trị công việc tương ứng của dự án*).

- Loại 3: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu nghỉ dưỡng; khu nhà ở; khu nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại; nhà ở thương mại đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (*05 năm*

trước năm có thời điểm đóng thầu) của đối tác đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp với giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng là **426.602.400.000**. (70% giá trị công việc tương ứng của dự án).

Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác. Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

(Nhà đầu tư kê khai năng lực tài chính theo mẫu phụ lục 2)

*** Giải thích thêm:**

(1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (*nếu có*). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (*nếu có*), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

Cách thức quy đổi các dự án: quy định 01 dự án thuộc loại 2, 3 bằng tối đa 0,5 – 0,7 dự án thuộc loại 1, cụ thể: 01 dự án thuộc loại 2 bằng 0,5 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 3 bằng 0,3 dự án thuộc loại 1. Trong đó, cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ như sau:

- Đối với số lẻ thấp hơn 0,5 dự án làm tròn xuống là 0.
- Đối với số lẻ lớn hơn hoặc bằng 1,5; 2,5.... dự án trở lên làm tròn lên là 2;3... dự án.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

PHỤ LỤC 1
NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu bổ sung các thông tin phù hợp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên mời thầu có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế; ...).

PHỤ LỤC 2**KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯỞNG TỰ⁽¹⁾**

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]*1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư):
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):

	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với yêu cầu sơ bộ về kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...